

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay (sau đây gọi là Nghị định số 05/2021/NĐ-CP) và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không (sau đây gọi là Nghị định số 64/2022/NĐ-CP)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP như sau:

"2. Cục Hàng không Việt Nam quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP như sau:

"Điều 43. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Bản sao Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bản sao phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 45 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP như sau:

"2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không với thời gian đóng quá 24 giờ quy định như sau:

a) Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Báo cáo bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Trong thời gian 24 giờ khi nhận được văn bản của Người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và Khoản 6, Khoản 12 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP như sau:

“Điều 52. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc bản sao thẻ căn cước công dân hoặc bản sao hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

c) Bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay;

d) Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm các tài liệu nêu tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;

c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cảng vụ hàng không cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay cho chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không báo cáo Cục Hàng không Việt Nam đề đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

5. Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này.

6. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, hỏng được đề nghị cấp lại. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Cảng vụ hàng không.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cảng vụ hàng không xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến người đề nghị. Trường hợp từ chối cấp lại, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

7. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị thu hồi trong trường hợp không còn đáp ứng điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 53 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và khoản 7, khoản 12 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP như sau:

"2. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến người đề nghị; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp. Trường hợp từ chối sửa đổi, Cảng vụ hàng không phải thông báo bằng văn bản lý do từ chối."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và khoản 10, khoản 12, khoản 14 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP như sau:

"Điều 57. Thủ tục cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc

bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và danh sách nhân viên đã được cấp giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

d) Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) văn bản xác nhận vốn;

đ) Phương án về trang bị, thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

3. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp lại trong trường hợp mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung trong giấy phép.

4. Tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

5. Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

6. Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

7. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép;

b) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng;

c) Chậm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp;

d) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, điều kiện kinh doanh, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường;

đ) Không bắt đầu khai thác cảng hàng không trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép.

8. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép, nêu rõ lý do, thời điểm hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép. Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không phải chấm dứt ngay việc kinh doanh cảng hàng không theo quyết định đã được ban hành.

9. Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải việc hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; thông báo về việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và khoản 13 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP như sau:

"Điều 60. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam

1. Cảng vụ hàng không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam đối với tổ chức hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam cho các tổ chức khác ngoài quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này, hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

b) Bản sao tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

c) Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

d) Bản sao biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng;

đ) Bản sao biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở kiểm tra, thử nghiệm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện;

e) Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không (đối với quy định tại khoản 1 Điều này) hoặc Cục Hàng không Việt Nam (đối với quy định tại khoản 2 Điều này) thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị. Công việc kiểm tra, thử nghiệm bao gồm các công việc sau:

a) Xác định tính hiệu lực và phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, môi trường được nhà sản xuất áp dụng để chế tạo sản phẩm;

b) Kiểm tra thực tế sản phẩm; kiểm tra kết quả nghiệm thu;

c) Thẩm định các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật cần thiết chứng minh việc đáp ứng hoặc phù hợp của sản phẩm, với các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp sản phẩm;

d) Kiểm tra kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng; trong trường hợp cần thiết, thực hiện hoặc yêu cầu người đề nghị cấp giấy chứng nhận thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;

đ) Kiểm tra kết quả khai thác thử.

5. Giấy chứng nhận, đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không có giá trị đối với các thiết bị, phương tiện được sản xuất, lắp ráp, cải tiến theo thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và có giá trị tại tất cả các cảng hàng không của Việt Nam."

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 61 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP như sau:

"2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp biển kiểm soát, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng;

b) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường đối với phương tiện chuyên ngành có quy định phải chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển kiểm soát cho phương tiện."

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 3 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP như sau:

"12. Thay thế cụm từ “hoặc bằng các hình thức phù hợp khác” bằng cụm từ “hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác” tại khoản 1 Điều 55."

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam đã cấp theo quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục có giá trị cho đến khi được cấp lại, sửa đổi, bổ sung hoặc bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngàytháng năm 2023.

2. Hồ sơ các thủ tục hành chính đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 05/2021/NĐ-CP và Nghị định 64/2022/NĐ-CP.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ)

STT	Tên các mẫu đơn, giấy phép
Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 05	Tờ khai cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không
Mẫu số 06	Giấy phép kinh doanh cảng hàng không
Mẫu số 09	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cấp
Mẫu số 10	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không do Cảng vụ hàng không cấp

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền¹

Căn

cứ

.....

Căn

cứ

.....

Công ty đề nghị Cảng vụ hàng không miền¹.....
cấp/cấp lại giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng
hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh
doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và
tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện
tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân
tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị²: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin
kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

.....
.....

Ghi chú:

¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

² Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...); tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

<p style="text-align: center;">CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN¹ ...</p> <p style="text-align: center;">-----</p> <p>Số: /GCNDK-CVM...²</p>	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p style="text-align: center;">Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p style="text-align: center;">-----</p>	
<p>GIẤY CHỨNG NHẬN</p> <p>ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY</p> <p>Cấp lần thứ:.....</p>		
<p style="text-align: center;">TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p style="text-align: center;">TOẠ ĐỘ</p> <p><input type="checkbox"/> Vĩ độ</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh độ</p>	<p style="text-align: center;">THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ</p> <p><input type="checkbox"/> Đang xây dựng</p> <p><input type="checkbox"/> Đã hoàn thành xây dựng</p>
<p>TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:</p> <p>.....</p> <p>...</p>		
<p>MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:</p> <p>.....</p> <p>...</p>		
<p>NĂNG LỰC KHAI THÁC</p> <p>.....</p> <p>...</p>		
<p>CẤP SÂN BAY:</p> <p>.....</p> <p>...</p>		
<p>GHI CHÚ:</p> <p>.....</p>		

...	
Ngày, tháng, năm đăng ký vào Sổ:/...../.....	GIÁM ĐỐC
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....	

Ghi chú:

¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

² Ghi rõ ký hiệu Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép
kinh doanh cảng hàng không

**TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG
KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

.....

Căn cứ

.....

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam
cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như
sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh
doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và
tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện
tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân
tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng
hàng không.

Nơi nhận:

.....
.....

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Số:...../GPKDCHK-CHK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

Cấp lần

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG:

.....
.....
.....
.....

**SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH
NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**

.....
.....
.....
.....

GHI CHÚ:

.....
.....
.....
.....

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

Số:.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không,

Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận sản phẩm dưới đây sản xuất tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện kỹ thuật đưa vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.

Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận	
Nhà sản xuất	
Sản phẩm	
Mã hiệu sản phẩm	
Bộ hồ sơ sản phẩm gồm có:	
Hồ sơ thiết kế	
Hồ sơ kiểm tra thử nghiệm	
Hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng	
Đặc tính kỹ thuật chi tiết	
Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	
Ngày ban hành	

Giấy chứng nhận này không có giá trị đối với các sản phẩm:

- Được sản xuất khác với hồ sơ thiết kế được phê duyệt.
- Không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng./.

Nơi nhận:

-.....
-.....

CỤC TRƯỞNG

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

Số:.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số/2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không,

Cảng vụ hàng không miền chứng nhận sản phẩm dưới đây sản xuất tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện kỹ thuật đưa vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.

Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận	
Nhà sản xuất	
Sản phẩm	
Mã hiệu sản phẩm	
Bộ hồ sơ sản phẩm gồm có:	
Hồ sơ thiết kế	
Hồ sơ kiểm tra thử nghiệm	
Hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng	
Đặc tính kỹ thuật chi tiết	
Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	
Ngày ban hành	

Giấy chứng nhận này không có giá trị đối với các sản phẩm:

- Được sản xuất khác với hồ sơ thiết kế được phê duyệt.
- Không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng./.

Nơi nhận:

-

GIÁM ĐỐC